Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 4901.99.90

Mã HS	4901.99.90
Mô tả hàng hóa	Các loại sách in, sách gấp, sách mỏng và các ấn phẩm in tương tự, dạng tờ đơn hoặc không phải dạng tờ đơn / - Loại khác: / - - Loại khác: / - - - Loại khác
Đơn vị	cuốn
Thời điểm tạo	02/11/2026 05:42:34
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/49019990/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	7.5	7,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K7754
Thuế NK ưu đãi (MFN)	5	5%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N7754
Thuế GTGT (VAT)	*/5/8/10	* / 5 / 8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q7754
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0,6	0,6%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0,6	0,6%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
AHKFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E7471
ATIGA	2022	2022	0	AT!E7424
ATIGA	2023	2023	0	AT!F7424
ATIGA	2024	2024	0	AT!G7424
ATIGA	2025	2025	0	AT!H7424
ATIGA	2026	2026	0	AT!I7424
ATIGA	2027	2027	0	AT!J7424
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E7474
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F7474
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G7474

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H7474
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I7474
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J7474
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E7475
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F7475
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G7475
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H7475
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I7475
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J7475
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F7476
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H7430
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F7438
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G7438
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H7438
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I7438
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J7438
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K7438
VKFTA	2022	2022	0	VK!E7460
VKFTA	2023	2023	0	VK!F7460
VKFTA	2024	2024	0	VK!G7460
VKFTA	2025	2025	0	VK!H7460
VKFTA	2026	2026	0	VK!I7460
VKFTA	2027	2027	0	VK!J7460
VCFTA	2022	2022	5	VC!D7506
VCFTA	2023	2023	5	VC!E7506
VCFTA	2024	2024	0	VC!F7506

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2025	2025	0	VC!G7506
VCFTA	2026	2026	0	VC!H7506
VCFTA	2027	2027	0	VC!I7506
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D7486
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E7486
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F7486
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G7486
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H7486
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I7486
AHKFTA	2022	2022	*	AKH!D7499
AHKFTA	2023	2023	*	AKH!E7499
AHKFTA	2024	2024	*	AKH!F7499
AHKFTA	2025	2025	*	AKH!G7499
AHKFTA	2026	2026	*	AKH!H7499
AHKFTA	2027	2027	*	AKH!I7499
EVFTA	2022	2022	3,1	EV-NK!D7503
EVFTA	2023	2023	2,5	EV-NK!E7503
EVFTA	2024	2024	1,8	EV-NK!F7503
EVFTA	2025	2025	1,2	EV-NK!G7503
EVFTA	2026	2026	0,6	EV-NK!H7503
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I7503
UKVFTA	2022	2022	3,1	UKV!D7504
UKVFTA	2023	2023	2,5	UKV!E7504
UKVFTA	2024	2024	1,8	UKV!F7504
UKVFTA	2025	2025	1,2	UKV!G7504
UKVFTA	2026	2026	0,6	UKV!H7504

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I7504
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D7454
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E7454
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F7454
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G7454
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H7454
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I7454
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J7454
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D7491
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E7491
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F7491
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G7491
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H7491
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I7491
RCEP B	2022	2022	0	B!D7491
RCEP B	2023	2023	0	B!E7491
RCEP B	2024	2024	0	B!F7491
RCEP B	2025	2025	0	B!G7491
RCEP B	2026	2026	0	B!H7491
RCEP B	2027	2027	0	B!I7491
RCEP C	2022	2022	0	C!D7491
RCEP C	2023	2023	0	C!E7491
RCEP C	2024	2024	0	C!F7491
RCEP C	2025	2025	0	C!G7491
RCEP C	2026	2026	0	C!H7491
RCEP C	2027	2027	0	C!I7491

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2022	2022	0	D!D7491
RCEP D	2023	2023	0	D!E7491
RCEP D	2024	2024	0	D!F7491
RCEP D	2025	2025	0	D!G7491
RCEP D	2026	2026	0	D!H7491
RCEP D	2027	2027	0	D!I7491
RCEP E	2022	2022	0	E!D7494
RCEP E	2023	2023	0	E!E7494
RCEP E	2024	2024	0	E!F7494
RCEP E	2025	2025	0	E!G7494
RCEP E	2026	2026	0	E!H7494
RCEP E	2027	2027	0	E!I7494
RCEP F	2022	2022	0	F!D7491
RCEP F	2023	2023	0	F!E7491
RCEP F	2024	2024	0	F!F7491
RCEP F	2025	2025	0	F!G7491
RCEP F	2026	2026	0	F!H7491
RCEP F	2027	2027	0	F!I7491
VIFTA	2024	2024	3.3	VI!F6931
VIFTA	2025	2025	1.7	VI!G6931
VIFTA	2026	2026	0	VI!H6931
VIFTA	2027	2027	0	VI!I6931

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	DM HH NK XK trong lĩnh vực phát hành xuất bản phẩm (22/2018/TT-BTTTT-PL2)		22/2018/TT-BTTTT-PL	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 4901.99 có 2 dòng thuế; dòng 4901.99.90 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Loại khác.	4901.99.10 Sách giáo dục, kỹ thuật, khoa học, lịch sử hoặc văn hóa	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “*/5/8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 4901.99.90. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 5% của mã 4901.99.90 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N7754), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
DM HH NK XK trong lĩnh vực phát hành xuất bản phẩm (22/2018/TT-BTTTT-PL2)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.